

PHỤ LỤC 01
BÁO GIÁ VẬT LIỆU XÂY DỰNG CỦA CÁC ĐƠN VỊ SXKD VÀ ĐỊA LÝ PHÂN PHỐI CỦA NHÀ SXKD NGOÀI TỈNH THÁNG 01 NĂM 2021
(Kèm theo Thông báo số 246 /TB-SXD ngày 18 tháng 02 năm 2021 của Sở Xây dựng)

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)														GHI CHÚ
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tôh	Cát Tiên	Lạc Dươn g	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
I. XI MĂNG																	
1	Công Ty Cổ phần xi măng Công Thanh (Số 2/14-2/16, đường Hàm Nghi, Phường Bến Nghé, Quận 1.TP HCM, điện thoại:02373 977502). Bảng báo giá số 04/21/BBG/XMCT-KD ngày 08/01/2021.Giá bán xi măng Công Thanh PCB40 bao trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng từ tháng 01/2021 đến hết tháng 6/2021																
			Giá bán tại các cửa hàng khu vực trung tâm														
	Xi măng Công Thanh (PCB 40)	Bao 50kg		79.500			79.500				79.500	79.500	79.500	79.500	79.500		Gia có thể thay đổi tùy thuộc vào địa điểm giao xa hay gần
2	Chi nhánh Công ty CP xi măng Hà Tiên 1 - Xi nghiệp tiêu thụ và Dịch vụ VICEM Hà Tiên theo Bảng niêm yết giá số 1/TTDV-PHTT ngày 07/8/2020.																
			Giá giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng														
	XM Vicem Vicem Hà Tiên PCB (bao 50kg)	đ/tấn															
	XM Vicem Vicem Hà Tiên PCB (bao 50kg)	đ/tấn															
	XM Vicem Hà Tiên PCB 40 (bao 50kg)	đ/tấn															
	XM Vicem Hà Tiên PCB 40 (bao 50kg)	đ/tấn															
	XM Vicem Hà Tiên PCB 40 (bao 50kg)	đ/tấn															
	XM Vicem Hà Tiên PCB 40 (bao 50kg)	đ/tấn															
	XM Vicem Hà Tiên PCB 40 (bao 50kg)	đ/tấn															
	XM Vicem Hà Tiên Đa dụng (bao 50kg)	đ/tấn															
	XM Vicem Hà Tiên PCB 40 (bao 50kg)	đ/tấn															
	XM Vicem Hà Tiên Đa dụng (bao 50kg)	đ/tấn															
3	Công ty cổ phần xi măng Hạ Long.Số điện thoại liên lạc: 9028) 39301656, Di động:0938582648.Nguyễn Văn Việt, theo thông báo số 1116/TB-VCHL-KDĐT ngày 30/12/2019 của Cty TNHH MTV Xi măng Hạ Long)																
			Giá giao tại trung tâm Lâm Đồng														
	XM Vicem Hạ Long PCB 40 (bao 50kg)	đ/bao															
	XM Vicem Hạ Long PCB 50 (dạng rời, dành cho PCB 50)	đ/tấn															

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VND)														GHI CHÚ
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dươn g	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
4	Chi nhánh Công ty cổ phần xi măng Thăng Long.Địa chỉ: Lô A3, KCN Hiệp Phước, Long Thới, Nhà Bè.Tp HCM. Điện thoại: (08) 3780 0912, theo Công văn số 63/CV/2020/CN-BHMN ngày 14/12/2020 của Chi nhánh Công ty Cổ phần Xi măng Thăng Long.																
	Giá giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng																
	XM Thăng Long PCB 40 nhãn hiệu Rồng Đỏ (bao 50kg)	đ/bao														81.818	
5	Công ty TNHH Kinh doanh tiếp thị XM Fico YTL . Địa điểm đặt nhà máy SX sản phẩm vật liệu đề nghị công bố: Nhà máy Xi măng Fico-Lô A5B, Khu Công nghiệp Hiệp Phước , xã Long Thới Huyện Nhà Bè.Tp HCM.Điện thoại: (028) 38212872 (máy nhánh:1834), theo Công văn số 22/CV-TTTT ngày 01/07/2020 của Công ty TNHH Kinh doanh tiếp thị XM Fico YTL.																
	Giá giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng																
	XM FICO PCB 40 (bao 50kg)	đ/bao														64.773	Mức giá bán không bao gồm chi phí vận chuyển
	XM FICO PCB 50 (dạng rời)	đ/tán														1.090.909	
	XM Supreme Power (bao 50kg)	đ/bao														71.818	
	XM FICO Bình Dương PCB40 (bao 50kg)	đ/bao														62.727	
	XM FICO PCB 40 (dạng rời)	đ/tán														1.072.727	
II	GẠCH , ĐÁ ỐP LÁT																
1	Chi nhánh Quảng Nam-Công Ty TNHH MTV Thương Mại Đồng Tâm.Địa chỉ: Lô 03,KCN Điện Nam, Tỉnh Quảng Nam. Điện thoại :0905520058, liên hệ anh Nguyễn Quang, kèm theo báo giá số 01/2021/SXDTLD ngày 01/01/2021 của Cty TNHH MTV TM Đồng Tâm.																
	Giá giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng																
	Gạch lát nền-Bộ sưu tập Platinum																
	Gạch 60 x 60 cmPLATINUM 001/002/003/004	đ/m ²														418.182	
	Gạch Granite bóng kiếng.(60 x 60 cm).6060PLATINUM 005	đ/m ²														445.455	
	Gạch Granite bóng kiếng.(60 x 60 cm).8080PLATINUM 001/002/003/004	đ/m ²														600.000	
	Gạch Granite bóng kiếng.(60 x 60 cm).8080PLATINUM 005/006	đ/m ²														660.000	
	Gạch lát nền-Bộ sưu tập Premium																
	Gạch Granite men mờ (60 x 60 cm).6060VICTORIA 001/002/003/004/005/006/007/008	đ/m ²														369.091	
	Gạch Granite men mờ (30 x 60 cm).3060VICTORIA 001/002/003/004/005/006/007/008	đ/m ²														360.000	
	Gạch lát nền-Bộ sưu tập gạch gỗ																
	Gạch Granite men mờ (40 x 80 cm)DTD4080GOSAN004/005	đ/m ²														301.818	

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VND)														GHI CHÚ
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dươn g	
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	Gạch Granite men mờ (60 x 60 cm).3060VICTORIA 001/002/003/004/005/006/007/008	đ/m ²								247.273							
	Gạch lát nền vệ sinh																
	Gạch Cremic men mờ (25x25cm)BAOTHACH 001	đ/m ²								128.182							
	Gạch Cremic men mờ (25x25cm)2525CARASA001/002	đ/m ²															
	Gạch Cremic men mờ (30X30cm)TIENSA001/003/004	đ/m ²								161.818							
	Gạch Cremic men mờ (30X30cm)3030BANA001	đ/m ²															
	Gạch Cremic men mờ (30x30cm)3030ANDE001	đ/m ²								181.818							
	Gạch Cremic men mờ (40x40cm)4040THẠCH ANH006	đ/m ²								196.364							
	Gạch Cremic men mờ (40x80cm)4080TAYBA001/002/003/004	đ/m ²								295.455							
	Gạch lát nền các loại																
	Gạch Cremic men bóng (30x30cm) 300;345;387	đ/m ²								148.182							
	Gạch Cremic men bóng (40x40cm) 469;475;481;484;485	đ/m ²								131.818							
	Gạch Cremic men bóng (40x40cm)456;462;467	đ/m ²															
	Gạch Cremic men bóng (40x40cm) 426	đ/m ²								140.909							
	Gạch Cremic men bóng (40x40cm) 428	đ/m ²								158.182							
	Gạch Granite men mờ (40x40cm)4040SAPA001	đ/m ²								196.364							
	Gạch Granite men mờ (40x40cm)4040THACHANH001/002/004	m ²															
	Gạch Granite muối tiêu (40x40cm)4GA01	m ²								218.182							
	Gạch Granite muối tiêu (40x40cm)4GA43	m ²								240.000							
	Gạch Granite men mờ (30x60cm)3060SAHARA005/006/007/008/009/010/011/012	m ²								250.000							

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VND)														GHI CHÚ
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dươn g	
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	Gạch Granite men mờ (30x60cm)3060DIAMOND001/002/003	m ²															
	Gạch Granite men mờ (60x60cm)6060TAMADA001/002/003/004/006	m ²															
	Gạch Granite men mờ (60x60cm)6060THẠCHANH002	m ²															
	Gạch Granite men mờ (60x60cm)6060PHUSA002	m ²								233.636							
	Gạch Granite men mờ (60x60cm)6060THACHNGOC001	m ²															
	Gạch Granite men mờ (60x60cm)6060VENU001/002	m ²															
	Gạch Granite men mờ (60x60cm)6060BINHTHUAN001/002/004/005	m ²								233.636							
	Gạch Granite men mờ (60x60cm)6060OMEN001/003/004/005	m ²															
	Gạch Granite mài men (60x60cm)6060DA004-FP/005-FP/006-FP/007-FP/008-FP/011-FP/12-FP/013-FP/014	m ²								244.545							
	Gạch Granite men mờ (60x60cm)6060TAMADA005	m ²															
	Gạch Granite men mờ (60x60cm)6060MOMEN002	m ²								247.273							
	Gạch Granite men mờ (60x60cm)6060CHAMPA002/003	m ²															
	Gạch Granite mài men (60x60cm)6060HAIVAN001-FP/003-FP/004-FP	m ²															
	Gạch Granite mài men (60x60cm)DTD6060TRUONGSON002-FP/003-FP-004-FP/005-FP/007-FP	m ²								258.182							
	Gạch Granite mài men (60x60cm)DTD6060CARARAS002-FP	m ²															
	Gạch Granite mài men (60x60cm)6060DA015-FP	m ²															
	Gạch Granite mài men (60x60cm)DTS6060BRIGH001-FP	m ²															

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VND)														GHI CHÚ
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đàm Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương	
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	Gạch Granite mài men (60x60cm)6060SNOW001-FP	m ²								286.364							
	Gạch Granite mài men (60x60cm)HAVAN005-FP/006-FP-007-FP	m ²															
	Gạch Granite bóng kiếng (60x60cm)6060DB006-NANO/038-NANO	m ²								289.091							
	Gạch Granite bóng kiếng (60x60cm)6060DB032-NANO/034-NANO	m ²								309.091							
	Gạch Granite bóng kiếng (60x60cm)6060MARMOL002-NANO	m ²															
	Gạch Granite bóng kiếng (60x60cm)6060MARMOL005-NANO	m ²								328.182							
	Gạch Granite mài men 80x80 DTD080NAOLEON001	m ²								314.545							
	Gạch Granite mài men 80x80 DTD080NAOLEON005	m ²															
	Gạch Granite mài men 80x80 DTD080TRUONGSON003	m ²								344.545							
	Gạch Granite mài men 80x80 DTD080TRUONGSON001	m ²															
	Gạch Granite mài men 80x80 DTD080FANSIFAN001	m ²															
	Gạch Granite mài men 80x80 DTD080FANSIFAN002	m ²															
GẠCH ỐP TƯỜNG:																	
a. Bộ sưu tập Luxury:																	
	Gạch Cemic men mờ 30X60 AMBER003/004	m ²															
	Gạch Cemic men mờ 30X60 COTTON001/002/003/004/005/006	m ²															
	Gạch Cemic men mờ 30X60RETRO 001/002	m ²								244.545							
	Gạch Cemic men mờ 30X60RETRO 001	m ²															
	Gạch Cemic men mờ 30X60TIENSA001/002/003/004	m ²															

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VND)														GHI CHÚ
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dươn g	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
	Gạch Cremic men bóng 30X60AMBER001/002/005/006/007/008	m ²															
	Gạch Cremic men bóng 30X60 ROXY001/002/003/004/005	m ²							244.545								
	Gạch Cremic men bóng 30X60SNOW001/002/003/004	m ²															
	Gạch Cremic men bóng 40x80ROXY001-H+/ 003-H+	m ²															
	Gạch Cremic men bóng 40x80AMBER001-H+	m ²							295455								
b. Gạch ốp tường các loại:																	
	Gạch Cremic men bóng 20x20TL01/ 03	m ²							148.182								
	Gạch Cremic men bóng 25x40CARARAS001	m ²							128.182								
	Gạch Cremic men bóng 25x40	m ²															
	Gạch Cremic men bóng 25x40 BAOTHACH001	m ²															
	Gạch Cremic men bóng 25x40 CARARAS002	m ²															
	Gạch Cremic men bóng 25x40 TAMDAO001	m ²															
<u>GẠCH TRANG TRÍ:</u>																	
a. Bộ sưu tập Mosaic 30x30cm																	
	Gạch Granite cắt thủy lực dán lưới 30x30 Mosaic 001/002/003/004/005/006/007/008/009/010/011/012/013	m ²							378.182								
2	Công ty Cổ phần Công nghiệp Gốm sứ Taicera - Taicera Enterprise Co Chi nhánh Nha Trang. Bảo giá gạch TKG và TEKKNIA áp dụng từ ngày 01/01/2021																
	Giá giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng																
<u>1 - DOUBLE LOADING NATURAL TILES</u>																	
1- Sản phẩm Future: Giá loại 1																	
	600x600 (G68093 ; 68094 ; 68095 ; 68099)	m ²															
	600x300 (G63093 ; 63094 ; 63095 ; 63099)	m ²							268.449								
1- Sản phẩm Future: Giá loại 2																	
	600x600 (G68093 ; 68094 ; 68095 ; 68099)	m ²															
	600x300 (G63093 ; 63094 ; 63095 ; 63099)	m ²							228.182								
2- Sản phẩm Cappuccino: Giá loại 1																	

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VND)														GHI CHÚ
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dươn g	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
	600x600 (GS68052 ; 68054 ; 68057 ; 68058)	m ²														284.492	
	(600x300) GS63052 ; 63054 ; 63057 ; 63058	m ²															
	2- Sản phẩm Cappuccino:Giá loại 2																
	600x600 (GS68052 ; 68054 ; 68057 ; 68058)	m ²														241.818	
	(600x300) GS63052 ; 63054 ; 63057 ; 63058	m ²															
	II - GLAZED PORCELAIN TILES																
	3- Sản phẩm Onyx Stone:Giá loại 1																
	(600x600) G68982 ; 68985 ; 68987 ; 68988	m ²														241.711	
	(600x300) G63982 ; 63985 ; 63987 ; 63988	m ²															
	3- Sản phẩm Onyx Stone:Giá loại:2																
	(600x600) G68982 ; 68985 ; 68987 ; 68988	m ²														205.455	
	(600x300) G63982 ; 63985 ; 63987 ; 63988	m ²															
	III - POLISH GRANITE TILES																
	4- Sản phẩm Fossil:Giá loại 1																
	(800x800) P87202N ; 87206N ; 87208N	m ²														305.882	
	(600x600)P67202N ; 67206N ; 67208N	m ²														263.102	
	4- Sản phẩm Fossil:Giá loại 2																
	(800x800)P87202N ; 87206N ; 87208N	m ²														260.000	
	(600x600)P67202N ; 67206N ; 67208N	m ²														223.636	
	5- Sản phẩm mài bóng Jade Diamond:Giá loại 1																
	(800x800) P87662N ; 87662N	m ²														305.882	
	(600x600) P67662N ; 67662N	m ²														252.406	
	5- Sản phẩm mài bóng Jade Diamond:Giá loại 2																
	(800x800) P87662N ; 87662N	m ²														260.000	
	(600x600)P67662N ; 67662N	m ²														214.545	
4	Công ty TNHH MTV Thương mại và XNK Prime, địa chỉ liên hệ :KCN Bình Xuyên,thị trấn Hương Canh,huyện Bình Xuyên.Tỉnh Vĩnh Phúc.VP đại diện miền Nam:31 Xuân Hồng,P.12.Q.Tân																
	Nhà phân phối chính thức Gạch Prime tại Lâm Đồng:- Cty TNHH Tâm Thanh Sơn, số 9A đường Đoàn Thị Điểm, Phường 4.Tp Đà Lạt. Điện thoại: 0908 950 589																
	Giá giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng																
	Gạch ceramic 25x25 không mài cạnh	m ²														93.000	
	Gạch ceramic 25x40 không mài cạnh	m ²														93.000	
	Gạch ceramic 30x30 không mài cạnh	m ²														95.000	
	Gạch ceramic 30x30 mài cạnh	m ²														186.000	
	Gạch ceramic 30x30 mài cạnh, hiệu ứng bề mặt	m ²														236.000	
	Gạch ceramic 30x45 xương đỏ, mài cạnh	m ²														116.000	

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VND)														GHI CHÚ
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dươn g	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
	Gạch ceramic 30x45 xương trắng, mài cạnh	m ²								125.000							
	Gạch ceramic 30x60 xương trắng, mài cạnh	m ²								182.000							
	Gạch ceramic 40x40 không mài cạnh	m ²								92.000							
	Gạch ceramic 40x40 sân vườn, không mài cạnh	m ²								107.000							
	Gạch ceramic 40x40 kỹ thuật số, mài cạnh	m ²								102.000							
	Gạch ceramic 50x50 không mài cạnh	m ²								98.000							
	Gạch ceramic 50x50 mài cạnh	m ²								105.000							
	Gạch ceramic 50x50 mài cạnh kỹ thuật số	m ²								115.000							
	Gạch semi porcelain 50x50 mài cạnh	m ²								150.000							
	Gạch porcelain 60x60	m ²								229.000							
	Gạch porcelain 60x60 men bóng, mài cạnh	m ²								227.000							
	Gạch porcelain 60x60 cao cấp, men bóng/mờ, mài cạnh	m ²								256.000							
	Gạch porcelain 60x60 sugar effect, chống mài mòn	m ²								315.000							
	Gạch porcelain 80x80 bóng/mờ, mài cạnh	m ²								327.000							
	Gạch porcelain 10x30 Không mài cạnh	m ²								246.000							
	Gạch porcelain 15x60 Giả gỗ, Không mài cạnh	m ²								189.000							
	Gạch Porcelain 15x60 Giả gỗ, Mài cạnh	m ²								275.000							
	Gạch Ceramic 15x80 Giả gỗ, Mài cạnh	m ²								295.000							
	Gạch Ceramic 20x40 Men bóng, không mài cạnh	m ²								146.000							
	Gạch Ceramic 20x40 Khuôn dị hình, không mài cạnh	m ²								198.000							

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VND)														GHI CHÚ
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dươn g	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
	Gạch Ceramic 25x40 Kĩ thuật số, mài cạnh	m ²								102.000							
	Gạch Ceramic 30x60 Xương đỏ, mài cạnh	m ²								136.000							
	Gạch Ceramic 60x60 Xương đỏ, mài cạnh	m ²								132.000							
	Gạch Ceramic 40x80 Xương trắng, mài cạnh	m ²								256.000							

III. THÉP XÂY DỰNG

1	Công ty TNHH THÉP SeAH Việt Nam. Địa chỉ: số 7, đường 3A KCN Biên Hòa II, Đồng Nai. Điện thoại: 093 800 1498, theo Bảng kê khai mức giá kèm theo công văn số 3 ngày 05/01/2021 của Công ty TNHH THÉP SeAH Việt Nam.															
	Giá giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng															
1	Ông thép đen (Tròn, vuông, hộp) độ dày 1.0 đến 1.5 mm. Đường kính từ DN 10 đến DN 100	d/kg														20.000
2	Ông thép đen (Tròn, vuông, hộp) độ dày 1.6 đến 1.9 mm. Đường kính từ DN 10 đến DN 100	d/kg														19.200
3	Ông thép đen (Tròn, vuông, hộp) độ dày 2.0 đến 5.4 mm. Đường kính từ DN 10 đến DN 100	d/kg														18.900
4	Ông thép đen (Tròn, vuông, hộp) độ dày 5.5 đến 6.35 mm. Đường kính từ DN 10 đến DN 100	d/kg														18.900
5	Ông thép đen (Tròn, vuông, hộp) độ dày trên 6.35 mm. Đường kính từ DN 10 đến DN 100	d/kg														19.100
6	Ông thép đen độ dày 3.4 mm đến 8.2 mm. Đường kính từ DN 125 đến DN 200	d/kg														19.100
7	Ông thép đen độ dày trên 8.2 mm. Đường kính từ DN 125 đến DN 200	d/kg														19.500
8	Ông thép mạ kẽm nhúng nóng độ dày 1.6 đến 1.9 mm. Đường kính từ DN 10 đến DN 100	d/kg														25.400
9	Ông thép mạ kẽm nhúng nóng độ dày 2.0 đến 5.4 mm. Đường kính từ DN 10 đến DN 100	d/kg														24.600

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VND)														GHI CHÚ
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dươn g	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
10	Ống thép mạ kẽm nhúng nóng độ dày trên 5.4 mm. Đường kính từ DN 10 đến DN 100	d/kg														24.600	
11	Ống thép mạ kẽm nhúng nóng độ dày 3.4 mm đến 8.2 mm. Đường kính từ DN 125 đến DN 200	d/kg														25.000	
12	Ống thép mạ kẽm nhúng nóng độ dày trên 8.2 mm. Đường kính từ DN 125 đến DN 200	d/kg														25.400	
13	Ống tôn kẽm (Tròn, vuông, hộp) độ dày 1.0 mm đến 2.3 mm. Đường kính từ DN 10 đến DN 200	d/kg														20.200	
2	CTY CP SẢN XUẤT THÉP VINA ONE.Địa chỉ:Ap Voi Lá, Xã Long Hiệp, huyện Bến Lức.Tỉnh Long An.Điện thoại liên hệ:0903 002 655.																
	Vuông, hộp, ống đen Vina One																
	Vuông, hộp, ống đen, độ dày 0.95-2,50mm	d/kg	17.400														
	Vuông, hộp, ống đen, độ dày ≥ 2,55mm	d/kg	17.200														
	Ống thép đen Ø 168-Ø273mm, độ dày 4.00-10mm	d/kg	17.400														
	Vuông, hộp, ống kẽm Vina One																
	Vuông, hộp, ống kẽm, độ dày 1.00-2.00mm	d/kg	19.900														
	Vuông, hộp, ống kẽm, độ dày 2.05-3.00mm	d/kg	19.700														
	Vuông, hộp, ống kẽm, độ dày 3.00-5.00mm	d/kg	20.200														
	Vuông, hộp, ống kẽm, độ dày >5.00mm	d/kg	20.200														
	Ống nhúng nóng Vina One Ø 21-Ø273mm																
	Dày 1.60-2.00mm	d/kg	25.400														
	Dày 2.10-3.00mm	d/kg	24.600														
	Dày 3.10 -5.00mm	d/kg	24.900														
	Dày > 5.00mm	d/kg	24.900														
	Thép hình cán nóng Vina One																
	Thép hình cán nóng chữ U-V-I	d/kg	18.100														
	Thép hình cán nóng chữ U	d/kg	18.100														
	Thép hình cán nóng chữ I	d/kg	18.100														
IV. NHÓM SƠN. BỘT TRÉT TƯỜNG																	
1	Công ty TNHH KOVA NANOPRO. Địa chỉ: Khu B2-5, đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi, xã Tân An Hội, huyện Củ Chi.Tp.Hồ Chí Minh, điện thoại:028 3620 3797-Line:601. Theo bảng niêm yết giá kèm theo công văn số CV-Kova /1220-20 ngày 05/12/2020 của Công ty.																
	Giá giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng																
	Sơn nội thất																
	Sơn nội thất KOVA VISTA+ (25kg)	d/thùng															904.773

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VND)														GHI CHÚ
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dươn g	
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	Sơn nội thất KOVA K-203 (25kg)	đ/thùng								1.054.773							
	Sơn nội thất KOVA SUNRISE+ (25kg)	đ/thùng								1.054.773							
	Sơn nội thất KOVA K-260 (25kg)	đ/thùng								1.483.864							
	Sơn ngoại thất																
	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm cao cấp KOVA K-208 (25kg)	đ/thùng								2.358.929							
	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm cao cấp KOVA KV-117 (18 lít)	đ/thùng								2.811.818							
	Sơn ngoại thất chống thấm cao cấp KOVA CT-04 (20kg)	đ/thùng								3.354.675							
	Sơn ngoại thất chống thấm cao cấp KOVA VILLA (20kg)	đ/thùng								2.048.182							
	Bột trét																
	+ Nội thất																
	Bột trét nội thất cao cấp KOVA CROWN (40kg)	đ/bao								368.182							
	Bột trét nội thất cao cấp KOVA VILLA (40kg)	đ/bao								307.273							
	+ Ngoại thất																
	Bột trét ngoại thất cao cấp KOVA CROWN (40kg)	đ/bao								488.182							
	Bột trét ngoại thất KOVA Villa (40kg)	đ/bao								412.727							
	Sơn lót, chống thấm																
	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA K-207 (25kg)	đ/thùng								1.828.409							
	Sơn lót ngoại thất kháng kiềm KOVA K-209 (25kg)	đ/thùng								2.235.682							
	Sơn ngoại thất chống thấm cao cấp KOVA HydroProof CT-04 (4kg)	đ/thùng								653.273							
	Sơn ngoại thất chống thấm cao cấp KOVA CT-06 (20kg)	đ/thùng								3.276.000							
2	Công ty Cp L.Q JOTON.Địa chỉ: 188C Lê Văn Sỹ,P.10.Q.Phú Nhuận.Tp HCM.Điện thoại:0838461970-2, theo báo giá số 15-21/BBG-GT-DA ngày 02/02/2021 và báo giá số 01-20/BBG-GT-DA ngày 03/02/2021 của Công ty																
	Sơn giao thông									Giá giao Tp Đà Lat							
	Sơn giao thông lót (16kg/thùng)	đ/thùng	66.900							66.900							
	Sơn giao thông trắng 20% hạt phản quang - JOPT25 (25 kg/bao)	đ/bao	21.528							21.528							
	Sơn giao thông vàng 20% hạt phản quang - JOPT25 (25 kg/bao)	đ/bao	22.473							22.473							

Địa bàn Tp Bảo Lộc và các huyện liên hệ với Công ty để có báo giá cụ thể theo từng địa bàn

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VND)														GHI CHÚ	
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dươn g		
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
	Sơn kẻ vạch đường, sơn lạnh (màu trắng, đen) (25kg/thùng)	đ/thùng	88.791		88.791													
	Sơn kẻ vạch đường, sơn lạnh (màu vàng,đỏ) (25kg/thùng)	đ/thùng	109.500		109.500													
	Sơn nội thất																	
	Sơn nội thất cao cấp-PEACE 1 (18l/thùng)	đ/thùng	1.220.000		1.220.000													
	Sơn nội thất trung cấp-PEACE 1 (18l/thùng)	đ/thùng	893.000		893.000													
	Sơn nội thất kinh tế-PEACE 3 (18l/thùng)		610.000		610.000													
	Sơn ngoại thất																	
	Sơn nội thất cao cấp-LOTUS 1 (18l/thùng)	đ/thùng	3.096.000		3.096.000													
	Sơn nội thất trung cấp-LOTUS 1 (18l/thùng)	đ/thùng	1.850.000		1.850.000													
	Sơn nội thất kinh tế-LOTUS 1 (18l/thùng)	đ/thùng	1.305.000		1.305.000													
	Sơn lót																	
	Sơn lót ngoại thất PROS (18l/thùng)	đ/thùng	1.529.000		1.529.000													
	Sơn lót nội thất PROSIN (18l/thùng)	đ/thùng	952.000		952.000													
	Bột trét																	
	Bột trét nội thất PASSION INT (40kg/bao)	đ/bao	253.000		253.000													
	Bột trét ngoại thất PASSION EXT (40kg/bao)	đ/bao	321.500		321.500													
3	Công ty TNHH SON SANQ TITO.Địa điểm đặt nhà máy SX: Lô F1,CC Đức Thuận, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, Long An.Điện thoại:0903 000615, theo báo giá số 01/BGDL/20, kèm theo Công văn số 111/CV ngày 01/11/2020 của Công ty.																	
	Sơn nội thất					Giá giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng												
	Sơn nội thất chất lượng cao-SOLINY (06kg)	đ/kg																
	Sơn nội thất ngọc trai-SOLIPEARL (4,5 lít)	đ/lít																
	Sơn nội thất lau chùi-SOLIMAX (4,5 lít)	đ/lít																
	Sơn nội thất lau chùi-SOLIMAX (17,5 lít)	đ/lít																
	Sơn bóng nội thất -SOLICLEAN (4,5 lít)	đ/lít																
	Sơn bóng nội thất -SOLICLEAN (15 lít)	đ/lít																
	Sơn ngoại thất																	
	Sơn ngoại thất -SOLIPEARL (4,5 lít)	đ/lít																
	Sơn ngoại thất -SOLIPEARL (17,5 lít)	đ/lít																
	Sơn nước bảo vệ ngoài trời-SOLIMAX (4,5 lít)	đ/lít																

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VNĐ)														GHI CHÚ
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dươn g	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
	Sơn nước bảo vệ ngoài trời-SOLIMAX (17,5 lít)	đ/lít								2.626.000							
	Sơn bán bóng ngoại thất-SOLIGLO (4,5 lít)	đ/lít								1.146.000							
	Sơn bán bóng ngoại thất-SOLIGLO (17,5 lít)	đ/lít								3.906.000							
	Sơn bóng ngoại thất-SOLISHIELD (4,5 lít)	đ/lít								1.756.000							
	Sơn bóng ngoại thất-SOLISHIELD (15 lít)	đ/lít								5.140.000							
	Sơn trang trí bề mặt																
	Bề mặt sơn bóng TITO-trắng bóng (0,8 lít)	đ/lít								128.000							
	Bề mặt sơn bóng TITO-trắng bóng (3.0 lít)	đ/lít								451.000							
	Bề mặt sơn mờ TITO-trắng mờ (0.8 lít)	đ/lít								136.000							
	Bề mặt sơn mờ TITO-trắng mờ (3 lít)	đ/lít								476.000							
	Bề mặt sơn mờ TITO-đen mờ (0.8 lít)	đ/lít								133.000							
	Bề mặt sơn mờ TITO-đen mờ (3 lít)	đ/lít								459.000							
	Bề mặt sơn bóng TITO-màu bóng (0.8 lít)	đ/lít								122.000							
	Bề mặt sơn bóng TITO-màu bóng (3 lít)	đ/lít								442.000							
4	Công ty TNHH Sơn ALEX.Địa chỉ trụ sở chính và nhà máy SX: xóm Tân Sơn, xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình.Điện thoại:0243784244.Cập nhật theo Bảng kê khai mức giá, mức kê khai																
	Sơn phủ ngoại thất									Giá giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng							
	Sơn Tomat 5 in 1 (15 lít)	đ/thùng								1.757.000							
	Sơn Alex Ultra Pro Ex (05 lít/lon)	đ/lon								1.804.000							
	Sơn bóng chống nóng hiệu quả Alex Pro (15 lít/thùng)	đ/thùng								4.059.000							
	Sơn bóng chống nóng hiệu quả Alex Pro (5 lít/lon)	đ/lon								1.502.000							
	Sơn phủ nội thất																
	Sơn phủ nội thất siêu bóng Alex Ultra Pro In (05 lít/lon)	đ/lon								1.457.000							
	Sơn bóng nội thất cao cấp Alex Satin (18 lít/thùng)	đ/thùng								3.837.000							
	Sơn bóng nội thất cao cấp Alex Satin (05 lít/lon)	đ/lon								1.147.000							
	Sơn lau chùi hiệu quả Alex lau chùi (18l/thùng)	đ/thùng								1.767.000							
	Sơn nội thất Tomat (18 lít/thùng)	đ/thùng								889.000							
	Sơn lót (chuyên dùng)																
	Sơn Alex Ultra White (18 lít)	đ/thùng								1.986.000							
	Sơn chống thấm đa năng trộn xi măng Alex Prevent (16 lít/thùng)	đ/thùng								2.940.000							
	Sơn chống thấm vượt trội Alex Ultra Prevent (17 lít/thùng)	đ/thùng								3.468.000							
	Sơn lót chống kiềm ngoài trời Tomat CK 6000 (18l/thùng)	đ/thùng								2.475.000							

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VND)														GHI CHÚ
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dươn g	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
	Sơn lót chống kiềm ngoài trời NANO Alex Ultra Primer Ex (18l/thùng)	đ/thùng														3.481.000	
	Sơn lót chống kiềm trong nhà NANO Alex Ultra Primer In (18l/thùng)	đ/thùng														2.526.000	
	Sơn chống kiềm trong nhà (18l/thùng)	đ/thùng														2.165.000	
	Bột bả Mastic																
	Bột bả ngoại thất cao cấp Alex (20kg)	đ/bao														260.000	
	Bột bả trong nhà và ngoài trời Drulex (40kg/bao)	đ/bao														395.000	
5	Công ty TNHH SX TM & XD BẢO SON.Địa chỉ trụ sở chính và nhà máy SX: KCN Bá Thiện, xã Bá Hiến, huyện Bình Xuyên.Tỉnh Vĩnh Phúc.Điện thoại:0211 6285888, kèm theo công văn số 02.02.2021/HC-BS ngày 02/02/2021 của Cty TNHH SX TM& XD Bảo Sơn																
	Sơn phủ ngoại thất															Giá giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng	
	Sơn JYKA 9IN1 High Gloss (5 lít)	đ/lít	1.035.000													1.035.000	
	Sơn JYKA NANO CLEAN (5 lít)	đ/lít	830.000													830.000	
	Sơn JYKA SUPER SATIN (5 lít)	đ/lít	698.000													698.000	
	Sơn JYKA SUPER SATIN (18 lít)	đ/lít	2.345.000													2.345.000	
	Sơn JYKA 5IN1 ngoại thất (18 lít)	đ/lít	1.176.000													1.176.000	
	Sơn phủ nội thất																
	Sơn JYKA 8IN1 High Gloss (5 lít)	đ/lít	877.000													877.000	
	Sơn JYKA 7IN1 (5 lít)	đ/lít	687.000													687.000	
	Sơn JYKA 7IN1 (18 lít)	đ/lít	2.194.000													2.194.000	
	Sơn lót nội,ngoại thất																
	Sơn JYKA lót kiềm Nano co giãn ngoại thất (18 lít)	đ/lít	1.870.000													1.870.000	
	Sơn JYKA lót kiềm Nano co giãn nội thất (18 lít)	đ/lít	1.427.000													1.427.000	
	Sơn tính năng																
	Sơn JYKA chống thấm trộn xi măng (18 lít)	đ/lít	1.594.000													1.594.000	
	Sơn JYKA chống thấm màu (18 lít)	đ/lít	1.755.000													1.755.000	
	Sơn JYKA chống thấm sàn (20 kg)	đ/kg	1.595.000													1.595.000	
	Sơn JYKA chống thấm ngược (5 kg)	đ/kg	556.000													556.000	
	Bột bả																
	Bột trét JYKA cao cấp chống thấm 3in1 (40kg)	đ/kg	293.000													293.000	
	DUTET ngoại thất (40kg)	đ/kg	195.000													195.000	
	DUTET nội thất (40kg)	đ/kg	162.000													162.000	
V	NHÓM NGÓI																
	Ngói màu																
1	Công ty Cổ Phần Gạch Ngói Gốm Xây dựng Mỹ Xuân. Địa chỉ: Phường Hắc, thị xã Phú Mỹ.Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.Điện thoại:0254 .3.876770, theo công văn số 46/CV.GMX ngày 14/8/2020 của Cty CP Gạch Ngói XD Mỹ Xuân.																
																Giá giao Tp Đà Lạt	
	Ngói lợp 10v/m2 (Sóng lớn,Sóng nhỏ, vẩy cá)	đ/viên	11.509													13.609	

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VND)														GHI CHÚ
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dươn g	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
	Ngói Nóc 3.3 viên/1md	đ/viên	20.382		23.745												
	Ngói ria	đ/viên	20.382		23.745												
	Ngói cuối ria	đ/viên	29.182		35.236												
	Ngói ghép 2	đ/viên	29.182		35.236												
	Ngói cuối nóc	đ/viên	35.245		43.064												
	Ngói cuối mái	đ/viên	35.245		43.064												
	Ngói chạc 3	đ/viên	43.864		53.409												
	Ngói chạc 4	đ/viên	43.864		53.409												
	Ngói gắn Antenna, Ngói lấy sáng	đ/viên	163.355		186.900												
	Ngói thông hơi	đ/viên	163.355		186.900												
	Ngói và sản phẩm trang trí đất sét nung																
	Ngói lợp 22 viên /m ²	đ/viên	6.900		8.127												
	Ngói lợp 22 viên /m ² chống thấm	đ/viên	7.218		8.482												
	Ngói lợp 22 viên /m ² A2	đ/viên	6.373		7.545												
	Ngói Demei	đ/viên	4.091		4.827												
	Ngói Demei chống thấm	đ/viên	4.409		5.173												
	Ngói nóc lớn 3 viên/md	đ/viên	13.573		15.845												
	Ngói nóc lớn 3 viên/md chống thấm	đ/viên	14.300		16.645												
	Ngói Nóc Lớn Vương Chông Thâm	đ/viên	15.555		18.045												
	Ngói cuối nóc chống thấm	đ/viên	34.764		39.173												
	Ngói chạc 3 chống thấm	đ/viên	67.082		75.282												
	Ngói chạc 4 chống thấm	đ/viên	81.891		91.573												
	Ngói nóc tiêu 5 viên/md	đ/viên	4.755		5.418												
	Ngói nóc tiêu chống thấm	đ/viên	4.900		5.582												
	Ngói tiêu 7 viên/md	đ/viên	5.350		6.100												
	Ngói tiêu chống thấm	đ/viên	5.018		5.709												
	Ngói Viên 5 Bộ / md	đ/viên	43.355		52.082												
	Ngói Viên chống thấm	đ/viên	44.136		52.936												
	Ngói Am Dương	đ/viên	5.218		6.018												
	Ngói Am Dương chống thấm	đ/viên	5.509		6.336												
	Ngói con sò, Chữ E , Mũi Tàu (60 viên/m ²)	đ/viên	5.673		6.518												
	Ngói con sò, Chữ E, Mũi Tàu chống thấm	đ/viên	5.909		6.782												
	Ngói Mân Chữ Thọ	đ/viên	4.245		4.945												
	Ngói Mân Chữ Thọ Chống Thấm	đ/viên	4.473		5.200												
	Ngói cánh phượng (70 viên/m ²)	đ/viên	5.100		5.891												
	Ngói vảy cá lớn, Vảy Cá Vương	đ/viên	5.000		5.782												
	Ngói vảy cá lớn, Vảy Cá Vương chống thấm	đ/viên	5.236		6.036												
	Ngói mũi hài nhỏ, Vảy cá nhỏ (100 viên /m ²)	đ/viên	3.018		3.482												
	Ngói mũi hài nhỏ, Vảy cá nhỏ chống thấm	đ/viên	3.191		3.673												
	Ngói mũi hài lớn (50 viên /m ²)	đ/viên	7.445		8.573												
	Ngói mũi hài lớn chống thấm	đ/viên	7.727		8.891												
	Ngói Mát Rông (140 viên/m ²)	đ/viên	4.391		5.018												
	Ngói lợp 20 viên /m ²	đ/viên	9.155		10.882												
	Ngói lợp 20 viên /m ² chống thấm	đ/viên	9.609		11.382												

Địa bàn Tp Bảo Lộc và các huyện liên hệ với Công ty để có báo giá cụ thể theo từng địa bàn

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VND)														GHI CHÚ
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
	Ngói tráng men	đ/viên															
	Ngói mũi hài nhỏ, Ngói vảy cá nhỏ	đ/viên	8.109		8.545												
	Ngói Mất Rỗng	đ/viên	9.300		9.773												
	Ngói Vảy Cá Lớn, Vảy Cá Vuông	đ/viên	14.073		14.782												
	Ngói Con Sò, Ngói Mũi Tàu, Ngói Chữ E	đ/viên	14.991		15.727												
	Ngói Mũi Hài Lớn	đ/viên	18.545		19.464												
	Ngói cánh phượng	đ/viên	13.464		14.155												
	Ngói âm dương	đ/viên	14.655		15.382												
	Ngói Viên	đ/viên	71.145		75.400												
	Ngói Nóc tiêu	đ/viên	11.027		11.555												
	Ngói tiêu	đ/viên	11.082		11.609												
	Ngói lợp 22 Viên/m2	đ/viên	21.973		23.336												
	Ngói nóc lớn 3 Viên/md	đ/viên	35.809		38.155												
2	Công Ty TNHH Công Nghiệp LAMA Việt Nam.Địa chỉ: Lô B8, Khu Công nghiệp Đất Cuốc, huyện Bắc Tân Uyên.Tỉnh Bình Dương..Phòng Kinh doanh:số 243/1.Quốc lộ 1A, phường Tân Thới Hiệp.Q.12.Tp.HCM.Phụ trách công bố giá: Đinh Thị Bích Ngọc,điện thoại :0949 704802.																
	Đại lý phân phối:																
	Cty Phước Nguyên-Đại lý phân phối Ngói Lama.Địa chỉ: 24 TrưngTrinh.Tp Đà Lạt,điện thoại: 0917 937 416																
	Cty Phan Tấn Thương-Đại lý phân phối Ngói Lama.Địa chỉ:10/14 Phú Thạnh, Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng,điện thoại: 019 005 776																
	Ngói Lama Roman				Giá giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng												
	Nhóm một màu:L101,L102,L103,L104	đ/viên			13.182												
	Nhóm hai màu:L201,L203,L204 và nhóm đặc biệt L105,L226	đ/viên			13.636												
	Ngói nóc	đ/viên			25.455												
	Ngói rìa	đ/viên			25.455												
	Ngói cuối rìa	đ/viên			34.545												
	Ngói ghép 2	đ/viên			34.545												
	Ngói cuối nóc	đ/viên			38.636												
	Ngói cuối mái	đ/viên			38.636												
	Ngói chạc 3, Ngói chữ T	đ/viên			44.545												
	Ngói chạc 4	đ/viên			44.545												
3	Công Ty CP Gạch Ngói Đồng Nai.Địa chỉ: 119 Điện Biên Phủ.Q1.Tp.HCM.điện thoại :(028) 38228124, theo công văn số 333E/CV-TMTUILDONAI ngày 31/8/2020 của Công Ty.																
	Ngói 10 (10 viên/m2)	đ/viên			24.545	Đơn Dương					Lạc Dương						
	Ngói 22 (22 viên/m2)	đ/viên			14.091	liên hệ với công ty để có báo giá cụ thể từng địa bàn					bản						
	Ngói 22 Demi	đ/viên			8.636												
	Ngói nóc	đ/viên			26.364												
	Ngói nóc cuối	đ/viên			47.273												
	Ngói chạc 3	đ/viên			68.182												
	Ngói chạc 4	đ/viên			90.909												
	Ngói vảy cá	đ/viên			7.727												
	Ngói mũi hài 120 (120 viên/m2)	đ/viên			4.545												
	Ngói mũi hài 65 (65 viên/m2)	đ/viên			8.182												
	Ngói mũi hài 50 (50 viên/m2)	đ/viên			10.909												
	Ngói tiêu	đ/viên			7.727												
	Âm dương	đ/viên			9.091												
	Bộ viên âm dương	đ/viên			60.000												

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VND)														GHI CHÚ
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dươn g	
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
20	Tôn lạnh màu AZ050 17/05:0.6mmx1200mm APT G550	Kg/m								86.364							
21	Tôn lạnh màu Solar AZ100 22/10:0.35mmx1200mm APT G550	Kg/m								100.000							
22	Tôn lạnh màu Solar AZ100 22/10:0.4mmx1200mm APT G550	Kg/m								107.273							
23	Tôn lạnh màu Solar AZ100 22/10:0.45mmx1200mm APT G550	Kg/m								114.545							
24	Tôn lạnh màu Solar AZ100 22/10:0.5mmx1200mm APT G550	Kg/m								122.727							
25	Tôn lạnh màu Solar AZ100 22/10:0.55mmx1200mm APT G550	Kg/m								130.909							
26	Tôn lạnh màu ShieldViet AZ150 22/10:0.4mmx1200mm APT G550	Kg/m								104.000							
27	Tôn lạnh màu ShieldViet AZ150 22/10:0.45mmx1200mm APT G550	Kg/m								114.500							
28	Tôn lạnh màu ShieldViet AZ150 22/10:0.5mmx1200mm APT G550	Kg/m								124.500							
29	Tôn lạnh màu ShieldViet AZ150 22/10:0.55mmx1200mm APT G550	Kg/m								133.500							
30	Tôn lạnh màu ShieldViet AZ150 22/10:0.6mmx1200mm APT G550	Kg/m								144.000							
XII	Nhựa đường																
1	CTY TNHH Thương Mại-Sản Xuất- Dịch vụ Tín Thịnh . Địa chỉ: số 102H, đường Nguyễn Xuân Khoát.P.Tân Thành.Q.Tân Phú.Tp HCM.Điện Thoại: (028) 62678195.Cập nhật theo Báo giá Nhựa đường đóng phuy ngày 01/01/2021 kèm công văn số 0121/KKG/XD-TC/LD ngày 01/01/2021 về việc đăng ký giá của Cty TNHH TM SX-DV Tín Thịnh.																
	Nhựa đường đóng phuy Shell 60/70 Singapore chính hãng	đ/tấn	14.363.636		14.363.636												
2	CTY TNHH Nhựa đường Petrolimex . Địa chỉ: tầng 05,số 01 Đinh Bộ Lĩnh .P.Lê Lợi.Tp Quy Nhơn.Tỉnh Bình Định.Điện Thoại: (0256) 3893206, giá bán các mặt hàng Nhựa đường Petrolimex tại thị trường Lâm Đồng ngày 01/12/2020 theo công văn số 126/2020/BG-NĐ.BĐ.KD của CTY TNHH Nhựa đường Petrolimex.																
	Nhựa đường Petrolimex đặc nóng 60/70	đ/kg	12.700		12.700												
	Nhựa đường Petrolimex phuy 60/70 (190kg/phuy)	đ/kg	14.200		14.200												
	Nhựa đường nhũ tương Petrolimex CRS1-Xá	đ/kg	12.400		12.400												
	Nhựa đường nhũ tương Petrolimex CRS2-Xá	đ/kg	13.300		13.300												
	Nhựa đường lỏng Petrolimex MC70-Xá	đ/kg	17.200		17.200												
XIII	Đèn; Đèn trang trí; Đèn chiếu sáng																
1	Công ty TNHH SX TM&DV Đại Quang Phát.Địa chỉ: 17 Đường số 11,KP 4, P.Linh Xuân, Q.Thủ Đức, Tp HCM. VPGD: 27 Đường M, Khu TTHC Dĩ An, Bình Dương, ĐT:																
	Giá giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng																
	Đèn đường Led Nikkon S439 30W (3000K, 4000K, 5000K)	bộ								4.425.000							
	Đèn đường Led Nikkon S439 40W (3000K, 4000K, 5000K)	bộ								5.250.000							

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VND)														GHI CHÚ
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dươn g	
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	Đèn đường Led Nikkon S439 60W (3000K, 4000K, 5000K) (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								6.375.000							
	Đèn đường Led Nikkon S433 80W (3000K, 4000K, 5000K) (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								8.400.000							
	Đèn đường Led Nikkon S433 85W (3000K, 4000K, 5000K) (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								9.150.000							
	Đèn đường Led Nikkon S433 90W (3000K, 4000K, 5000K) (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								9.450.000							
	Đèn đường Led Nikkon S433 100W (3000K, 4000K, 5000K)(dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								9.760.000							
	Đèn đường Led Nikkon S433 115W (3000K, 4000K, 5000K)(dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								10.650.000							
	Đèn đường Led Nikkon S433 120W (3000K, 4000K, 5000K)(dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								11.250.000							
	Đèn đường Led Nikkon S433 145W (3000K, 4000K, 5000K)(dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								12.225.000							
	Đèn đường Led Nikkon S433 150W (3000K, 4000K, 5000K)(dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								13.040.000							
	Đèn đường Led Nikkon S436 165W (3000K, 4000K, 5000K)(dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								13.800.000							
	Đèn đường Led Nikkon S436 185W (3000K, 4000K 5000K)(dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								14.925.000							
	Đèn đường Led Nikkon S436 200W (3000K, 4000K, 5000K)(dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								15.920.000							
	Đèn đường Led Nikkon S533 90W (3000K, 4000K, 5000K)(dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								34.350.000							

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VND)														GHI CHÚ
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dươn g	
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	Đèn đường Led Nikkon S533 90W (5000K/4000K/3000K) (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								10.425.000							
	Đèn đường Led Nikkon S533 120W - 5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								11.925.000							
	Đèn đường Led Nikkon S533 150W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								13.125.000							
	Đèn đường Led Nikkon S536 170W - 5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								16.425.000							
	Đèn đường Led Nikkon S536 150W - 5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								14.925.000							
	Đèn đường Led Nikkon S536 170W - 5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								17.250.000							
	Đèn đường Led Nikkon S536 190W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								17.850.000							
	Đèn đường Led Nikkon S536 210W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								18.375.000							
	Đèn đường Led Nikkon SDQ 30W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								4.080.000							
	Đèn đường Led Nikkon SDQ 40W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								4.320.000							
	Đèn đường Led Nikkon SDQ 60W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								6.080.000							
	Đèn đường Led Nikkon SDQ 80W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								6.640.000							
	Đèn đường Led Nikkon SDQ 100W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								8.400.000							

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VND)														GHI CHÚ	
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dươn g		
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
	Đèn đường Led Nikkon SDQ 120W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								8.720.000								
	Đèn đường Led Nikkon SDQ 150W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								10.960.000								
	Đèn đường Led Nikkon SDQ 180W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								11.680.000								
	Đèn đường Led Nikkon MURA 40W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								5.520.000								
	Đèn đường Led Nikkon MURA 60W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								6.560.000								
	Đèn đường Led Nikkon MURA 80W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								7.600.000								
	Đèn đường Led Nikkon MURA 100W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia	bộ								8.800.000								
	Đèn đường Led Nikkon MURA 120W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia									10.400.000								
	Đèn đường Led Nikkon MURA 150W-5000K/4000K/3000K (dimming 5 cấp công suất) Malaysia									12.000.000								
2	Công ty TNHH SX TM&XD THIÊN MINH , địa chỉ 16 Đường DHT03, P 4, Tân Hưng Thuận, Q12, Tp HCM, ĐT: 028.35926886.																	
	Bộ đèn đường LED hiệu EUROGROUP									Giá giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng								
	Bộ đèn đường CARINA LED SMD công suất 90W	đồng/bộ	8.280.000							8.280.000								
	Bộ đèn đường CARINA LED SMD công suất 100W	bộ	8.780.000							8.780.000								
	Bộ đèn đường CARINA LED SMD công suất 115W	bộ	9.630.000							9.630.000								
	Bộ đèn đường CARINA LED SMD công suất 120W	bộ	9.880.000							9.880.000								
	Bộ đèn đường CARINA LED SMD công suất 140W	bộ	10.980.000							10.980.000								
	Bộ đèn đường CARINA LED SMD công suất 150W	bộ	11.480.000							11.480.000								

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VND)														GHI CHÚ
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dươn g	
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	Bộ đèn đường CARINA LED SMD công suất 165W	bộ	12.230.000							12.230.000							
	Bộ đèn đường SUPPER LED SMD công suất 90W	bộ	9.400.000							9.400.000							
	Bộ đèn đường SUPPER LED SMD công suất 100W	bộ	9.900.000							9.900.000							
	Bộ đèn đường SUPPER LED SMD công suất 120W	bộ	11.000.000							11.000.000							
	Bộ đèn đường SUPPER LED SMD công suất 140W	bộ	12.100.000							12.100.000							
	Bộ đèn đường SUPPER LED SMD công suất 145W	bộ	12.350.000							12.350.000							
	Bộ đèn đường SUPPER LED SMD công suất 150W	bộ	12.600.000							12.600.000							
	Bộ đèn đường SUPPER LED SMD công suất 165W	bộ	13.550.000							13.550.000							
	Bộ đèn đường O'STAR LED SMD công suất 75W	bộ	9.000.000							9.000.000							
	Bộ đèn đường O'STAR LED SMD công suất 90W	bộ	9.850.000							9.850.000							
	Bộ đèn đường O'STAR LED SMD công suất 105W	bộ	10.600.000							10.600.000							
	Bộ đèn đường O'STAR LED SMD công suất 120W	bộ	11.450.000							11.450.000							
	Bộ đèn đường O'STAR LED SMD công suất 140W	bộ	12.550.000							12.550.000							
	Bộ đèn đường O'STAR LED SMD công suất 150W	bộ	13.050.000							13.050.000							
	Bộ đèn đường O'STAR LED SMD công suất 165W	bộ	14.000.000							14.000.000							
	Bộ đèn đường SUNLITE LED SMD công suất 90W	bộ	10.550.000							10.550.000							
	Bộ đèn đường SUNLITE LED SMD công suất 100W	bộ	11.050.000							11.050.000							
	Bộ đèn đường SUNLITE LED SMD công suất 110W	bộ	11.750.000							11.750.000							
	Bộ đèn đường SUNLITE LED SMD công suất 120W	bộ	12.450.000							12.450.000							
	Bộ đèn đường SUNLITE LED SMD công suất 140W	bộ	13.550.000							13.550.000							
	Bộ đèn đường SUNLITE LED SMD công suất 150W	bộ	14.050.000							14.050.000							
	Bộ đèn đường SUNLITE LED SMD công suất 165W	bộ	15.000.000							15.000.000							
3	Công ty TNHH SX Super Thái Dương, địa chỉ: 247/8B Hoàng Hoa Thám, P.05, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM.Nhà máy SX: Khu Công nghiệp Cần Guộc Tp.HCM.																

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VND)														GHI CHÚ
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dươn g	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
Giá giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng																	
	Bộ đèn đường SUPER LED 80W - Xuất xứ: PHILIPS LIGHTING POLAND, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	bộ							7.425.000								
	Bộ đèn đường SUPER LED 90W - Xuất xứ: PHILIPS LIGHTING POLAND, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	bộ							7.830.000								
	Bộ đèn đường SUPER LED 100W - Xuất xứ: PHILIPS LIGHTING POLAND, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	bộ							8.640.000								
	Bộ đèn đường SUPER LED 115W - Xuất xứ: PHILIPS LIGHTING POLAND, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	bộ							8.775.000								
	Bộ đèn đường SUPER LED 120W - Xuất xứ: PHILIPS LIGHTING POLAND, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	bộ							8.910.000								
	Bộ đèn đường SUPER LED 125W - Xuất xứ: PHILIPS LIGHTING POLAND, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	bộ							9.045.000								
	Bộ đèn đường SUPER LED 135W - Xuất xứ: PHILIPS LIGHTING POLAND, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	bộ							9.490.000								
	Bộ đèn đường SUPER LED 150W - Xuất xứ: PHILIPS LIGHTING POLAND, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	bộ							10.260.000								
<i>Bộ đèn pha LED sử dụng chip LED / DRIVER: PHILIPS LIGHTING POLAND - bảo hành 05 năm (Giá đến tại chân công trình)</i>																	
	Bộ đèn pha Led SUPER TANGO 150W, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	đồng/bộ							10.260.000								
	Bộ đèn pha Led SUPER TANGO 200W, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	đồng/bộ							14.250.000								
	Bộ đèn pha Led SUPER TANGO 300W, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	đồng/bộ							15.600.000								
	Bộ đèn pha Led SUPER TANGO 380W, dimming 5 cấp công suất (Hiệu: SUPER THAI DUONG)	đồng/bộ							17.100.000								
4	Công ty Cổ phần Tam Kim. Địa chỉ: số 51, đường Trần Thiện Chánh, P.12. Q.10. Tp HCM: (028) 386 23539, theo công văn số 23/2020/KV-TK ngày 01/4/2020 của CN Công ty CP Tam																

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VND)														GHI CHÚ	
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dươn g		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17		
				Giá giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng														
	Đèn downlight siêu mỏng LED 6W ánh sáng trắng (12 cái/kiện)	cái															79.000	
	Đèn downlight siêu mỏng LED 9W ánh sáng trắng (40 cái/kiện)	cái															108.000	
	Đèn downlight siêu mỏng LED 12W ánh sáng trắng (40 cái/kiện)	cái															128.000	
	Đèn ốp Panel LED 18w tròn ánh sáng trắng ELT8007S/18W (20 cái/kiện)	cái															180.000	
	Đèn sự cố EXL 6005L (08 cái/kiện)	cái															430.000	
	Đèn sự cố EXL 6005L (02 cái/kiện)	cái															680.000	
	Bóng tube led T8 19W (30 cái/kiện)	cái															115.000	
	Đèn EXIT 2 mặt chỉ 2 hướng (20 cái/kiện)	cái															290.000	
	Đèn nhà xưởng Led 100W (10 cái/kiện)	cái															1.500.000	
5	Công ty TNHH TM&DV Nguyễn Đình, Địa chỉ:204E/2, khu phố 1B, phường An Phú.Tp Thuận An.Tỉnh Bình Dương. Điện thoại:0938 555167.Liên hệ: Phạm Thị Bích Phương, theo công văn số 002/NĐ-SXDLĐ ngày 01/02/2021 của Công ty TNHH TM&DV Nguyễn Đình, (giá đã bao gồm chi phí vận chuyển đến công trình)																	
				Giá giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng														
	Đèn đường LED Arrlux dòng Luma, model SIB80 76W - 85W	bộ															6.818.182	
	Đèn đường LED Arrlux dòng Luma, model SIC100 96W - 105W	bộ															7.227.273	
	Đèn đường LED Arrlux dòng Alpha, model SLA60 56W - 65W	bộ															7.045.455	
	Đèn đường LED Arrlux dòng Alpha, model SLB80, 76W - 85W	bộ															7.136.364	
	Đèn đường LED Arrlux dòng Alpha, model SLA90 86W - 95W	bộ															8.068.182	
	Đèn đường LED Arrlux dòng Alpha, model SLA120 116W - 125W	bộ															9.227.273	
	Đèn đường LED Arrlux dòng Alpha, model SLA150 146W - 155W	bộ															10.227.273	
	Đèn đường LED Arrlux dòng Alpha, model SLB160 156W - 165W	bộ															11.818.182	
	Đèn đường LED Arrlux dòng Alpha, model SLA180 176W - 185W	bộ															12.726.364	
	Đèn đường LED Arrlux dòng Alpha, model SLB200 196W - 205W	bộ															12.840.909	
	Đèn đường LED Arrlux dòng Alpha, model SLB240 236W - 245W	bộ															14.613.636	
	Đèn đường LED Arrlux dòng Alpha model SLB320 315W - 325W	bộ															15.795.455	
	Đèn LED pha FLB80-C, 76W - 85W	bộ															7.327.273	
	Đèn LED pha FLA150-C, 146W - 155W	bộ															11.227.273	
	Đèn LED pha FLB240-C, 236W - 245W	bộ															14.454.545	
	Đèn LED pha FLB280-C, 276W - 285W	bộ															15.727.273	

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VND)														GHI CHÚ
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dươn g	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
	Đèn LED pha FLA300-C, 296W - 305W	bộ														18.909.091	
	Đèn LED khu vực FLD450, 446W - 455W	bộ														25.272.727	
6	CÔNG TY TNHH VONTA VIỆT NAM.Ô HTKT cụm công nghiệp Nguyên Khê, Xã Nguyên Khê, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.Hotline: 04.63261523.Giá bán tại nhà máy sản xuất của công ty địa chỉ: Viên Nội, Vân Nội, Đông Anh, Hà Nội: Giá bán tại thời điểm Quý I/2021.																
	Đèn Led chiếu sáng đường phố Vonta 04 - chip LED SMD																
	Vonta - VT04/100w	cái														3.400.000	
	Vonta - VT04/150w	cái														5.500.000	
	Vonta - VT04/200w	cái														6.100.000	
	Vonta - VT04/250w	cái														6.500.000	
	Đèn Led chiếu sáng đường phố Vonta 06- chip LED COB																
	Vonta - VT06/50w	cái														1.500.000	
	Vonta - VT06/70w	cái														1.950.000	
	Vonta - VT06/80w	cái														2.100.000	
	Vonta - VT06/100w	cái														2.500.000	
	Vonta - VT06/120w	cái														2.600.000	
	Vonta - VT06/150w	cái														3.200.000	
	Vonta - VT06/200w	cái														3.950.000	
	Đèn Led chiếu sáng đường phố Vonta 08- chip LED SMD - Tích hợp nguồn DIM 7 cấp, kết nối điều khiển qua Wifi và Bluetooth																
	Vonta - VT08D/80w - DIM	cái														4.750.000	
	Vonta - VT08D/100w - DIM	cái														4.850.000	
	Vonta - VT08D/150w - DIM	cái														6.220.000	
	Vonta - VT08D/180w - DIM	cái														6.890.000	
	Vonta - VT08D/200w - DIM	cái														7.890.000	
	Vonta - VT08D/220w - DIM	cái														8.200.000	
	Vonta - VT08D/250w - DIM	cái														8.890.000	
7	CÔNG TY TNHH Chiếu sáng và Môi trường Việt Nam.Địa chỉ: 233/8 Đặng Thùy Trâm, Phường 13.Q. Bình Thạnh.TP.HCM.Điện thoại: 0823 39 2345.Theo Bảng báo giá sản phẩm đèn LED tháng 01/2021, áp dụng tại tỉnh Lâm Đồng (giá bao gồm chi phí vận chuyển đến chân công trình tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng)																
	Đèn LE-TITAN ECO 60W, 72 leds,7200lm,IP66,IK09.Tiết giảm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA.Điều chỉnh được góc nghiêng.Kích thước (mm) 568x240x100	cái														8.500.000	
	Đèn LE-TITAN ECO 80W, 108 leds,9600lm,IP66,IK09.Tiết giảm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA.Điều chỉnh được góc nghiêng.Kích thước (mm) 568x240x100	cái														9.150.000	

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VND)														GHI CHÚ
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dươn g	
1	2	3	4		5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
	Đèn LE-TITAN MIDI 100W, 144 leds,12.600lm,IP66,IK09.Tiết giảm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA.Điều chỉnh được góc nghiêng.Kích thước (mm) 702x314x130	cái								10.450.000							
	Đèn LE-TITAN MIDI 120W, 168 leds,14400lm,IP66,IK09.Tiết giảm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA.Điều chỉnh được góc nghiêng.Kích thước (mm) 702x314x130	cái								11.350.000							
	Đèn LE-TITAN MIDI 150W, 216 leds,18000lm,IP66,IK09.Tiết giảm công suất 5 cấp. Chống xung điện 10kA.Điều chỉnh được góc nghiêng.Kích thước (mm) 842x340x140									12.800.000							
XIII Thiết bị điện																	
1	Công ty Cổ phần dây cáp điện Việt Nam (CADIVI), địa chỉ 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh, điện thoại 028.38299443,																
	Dây đồng đơn cứng bọc PVC-300/500V:				Giá giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng												
	VC - 0,5 (Ø 0,80) - 300/500 V	đ/m															1.630
	VC - 1,00 (Ø1,13) - 300/500 V	đ/m															2.710
	Dây điện bọc nhựa PVC-0,6/1Kv:																
	VCmd-2x0.5-(2x16/0.2)-0,6/1kV	đ/m															3.110
	VCmd-2x0.75-(2x24/0.2)-0,6/1kV	đ/m															4.380
	VCmd-2x1-(2x32/0.2)-0,6/1kV	đ/m															5.610
	VCmd-2x1,5-(2x30/0.25)-0,6/1kV	đ/m															8.000
	Dây điện mềm bọc nhựa PVC-300/500V:																
	VCmo-2x1-(2x32/0.2)-300/500V	đ/m															6.450
	VCmo-2x1.5-(2x30/0.25)-300/500V	đ/m															9.090
	Vcmo-2x6-(2x7x12/0.30-300/500V	đ/m															33.100
	Ống luồn dây điện:																
	Ống luồn tròn F16 dài 2,9m	đ/ống															18.600
	Ống luồn cứng F16-1250N-CA16H	đ/ống															23.700
	Ống luồn đàn hồi CAF-16	đ/cuộn															183.500
	Ống luồn đàn hồi CAF-20	đ/cuộn															208.100
CÔNG TY TNHH VONTA VIỆT NAM.Ô HTKT cụm công nghiệp Nguyễn Khê, Xã Nguyễn Khê, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.Hotline: 04.63261523.Giá bán tại nhà máy sản xuất của công ty địa chỉ: Viên Nội, Vân Nội, Đông Anh, Hà Nội: Giá bán tại thời điểm Quý I/2021.																	
	Ống luồn dây điện và phụ kiện																
	Ống nhựa luồn dây Vonta PVC D16 VT 320N 2.92m/cây	md															7.397
	Ống nhựa luồn dây Vonta PVC D20 VT 320N 2.92m/cây	md															10.479
	Ống nhựa luồn dây Vonta PVC D25 VT 320N 2.92m/cây	md															14.301

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VND)														GHI CHÚ
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dươn g	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
	Ông nhựa luồn dây Vonta PVC D32 VT 320N 2.92m/cây	md							28.767								
	Ông gen mềm D16 50m/cuộn - Vonta	md							4.560								
	Đế nhựa âm tường chữ nhật - Vonta	Cái							5.100								
	Đế nhựa âm tường vuông - Vonta	Cái							5.100								
	Hộp nối dây tự chống cháy Vonta 80x80x50	Cái							17.040								
	Hộp chia ngã Vonta D16 (có nắp)	Cái							9.264								
	Kẹp đỡ ống Vonta D16	Cái							1.416								
	Đầu khớp nối loại vặn ren Vonta D16	Cái							2.640								
	Măng xông tron Vonta ống PVC D16	Cái							1.080								
	Cút chữ L Vonta D16	Cái							4.056								
	Cút chữ T Vonta D16	Cái							5.880								
	Ông nhựa gân xoắn - Vonta																
	Ông nhựa gân xoắn HDPE 32/25 - Vonta	m							12.800								
	Ông nhựa gân xoắn HDPE 40/30 - Vonta	m							14.900								
	Ông nhựa gân xoắn HDPE 50/40 - Vonta	m							21.400								
IX	Nhóm cửa																
1	Công ty CP Eurowindow.Trụ sở chính: Lô số 15, KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội. Nhà máy sản xuất: Khu 7, phường Uyên Hưng, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, theo Bảng niêm yết giá kèm công văn số 109/2021/EW-HCM của Cty CP Eurowindow.																
	CỬA NHÓM EUROWINDOW								Giá giao tại địa bàn tỉnh Lâm Đồng								
	Cửa số 2 cánh mở trượt, hệ Asia Profile Eurowindow (R1000 x C1000)	m2							3.244.355								
	Cửa số 3 cánh (2 cánh mở trượt, 1 cánh cố định), hệ Asia Profile Eurowindow (R1500 x C1000)	m2							3.134.381								
	Cửa số 4 cánh (2 cánh mở trượt, 2 cánh cố định), hệ Profile của hãng Eurowindow (R2000 x C 1000)	m2							3.110.363								
	Cửa số 2 cánh mở quay lật vào trong, hệ Asia Profile Eurowindow (R1000 x C1000)	m2							4.340.006								
	Cửa số 2 cánh mở quay vào trong, hệ Asia Profile Eurowindow (R1000 x C1000)	m2							3.868.477								
	Cửa số 1 cánh mở quay lật vào trong, hệ Asia Profile Eurowindow (R500 x C1000)	m2							4.660.487								
	Cửa số 2 cánh mở quay ra ngoài, hệ Asia Profile Eurowindow (R1000 x C1000)	m2							4.036.451								
	Cửa đi 1 cánh mở quay, hệ Asia Profile Eurowindow (R700 x C1800)	m2							4.599.175								
	Cửa đi 2 cánh mở quay, hệ Asia Profile Eurowindow (R1400 x C1800)	m2							4.257.673								
	Cửa đi 4 cánh (2 cánh mở trượt, 2 cánh cố định), hệ Asia Profile Eurowindow (R2800 x C1800)	m2							2.289.841								
	CỬA NHỰA EUROWINDOW																

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VND)														GHI CHÚ
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dươn g	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
	Cửa sổ 2 cánh mở trượt, hệ Asia Profile Eurowindow (R1000 x C1000)	m2														3.244.355	
	Cửa sổ 3 cánh (2 cánh mở trượt, 1 cánh cố định), hệ Asia Profile Eurowindow (R1500 x C1000)	m2														3.134.381	
	Cửa sổ 4 cánh (2 cánh mở trượt, 2 cánh cố định), Hệ Profile của hãng Eurowindow (R2000 x C1000)	m2														3.110.363	
	Cửa sổ 2 cánh mở quay lật vào trong, hệ Asia Profile Eurowindow (R1000 x C1000)	m2														4.340.006	
	Cửa sổ 2 cánh mở quay vào trong, hệ Asia Profile Eurowindow (R1000 x C1000)	m2														3.868.477	
	Cửa đi 1 cánh mở quay, hệ Asia Profile Eurowindow (R700 x C1800)	m2														4.599.175	
	Cửa đi 2 cánh mở trượt , hệ Asia Profile Eurowindow (R1400 x C1800)	m2														2.586.661	
	Cửa đi 4 cánh (2 cánh mở trượt, 2 cánh cố định), hệ Asia Profile Eurowindow (R2800 x C1800)	m2														2.330.982	
	- Eurowindow: Cửa sổ 3 cánh (2 cánh mở trượt, 1 cánh giữa cố định), Hệ Profile của hãng Koemmerling (R1500 x C1000)	m2														3.993.134	
	- Eurowindow: Cửa sổ 4 cánh (2 cánh mở trượt, 2 cánh giữa cố định), Hệ Profile của hãng Koemmerling (R2000 x C1000)	m2														3.908.117	
	Eurowindow: Cửa sổ 2 cánh mở quay lật vào trong - Hệ Profile của hãng Koemmerling (R1000 x C1000)	m2														7.502.230	
	Eurowindow: Cửa đi 1 cánh mở quay - Hệ Profile của hãng Koemmerling (R7000 x C1800)	m2														7.698.769	
	Eurowindow: Cửa đi 2 cánh mở quay - Hệ Profile của hãng Koemmerling (R1400 x C1800)	m2														6.698.616	
	Eurowindow: Cửa đi 2 cánh mở quay - Hệ Profile của hãng Koemmerling (R1400 x C1800)	m2														6.698.616	
	Eurowindow: Cửa đi 2 cánh mở trượt - Hệ Profile của hãng Koemmerling (R1400 x C1800)	m2														3.915.741	
	Eurowindow: Cửa đi 4 cánh (2 cánh mở trượt +2 cánh cố định), Hệ Profile của hãng Koemmerling (R2800 x C1800)	m2														3.517.770	
CÔNG TY TNHH VONTA VIỆT NAM.Ô HTKT cụm công nghiệp Nguyên Khê, Xã Nguyên Khê, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội.Hotline: 04.63261523.Giá bán tại nhà máy sản xuất của công ty địa chỉ: Viên Nội, Vân Nội, Đông Anh, Hà Nội: Giá bán tại thời điểm Quý I/2021.																	
Cửa chống cháy																	

STT	TÊN VÀ QUY CÁCH CỦA VẬT LIỆU	Đơn vị tính	GIÁ VẬT LIỆU CHƯA CÓ THUẾ VAT (VND)														GHI CHÚ
			Giá tại nơi SX hoặc đại lý phân phối	Giá tại cửa hàng VLXD	Đà Lạt	Đơn Dương	Lâm Hà	Đức Trọng	Đam Rông	Di Linh	Bảo Lộc	Bảo Lâm	Đạ huoi	Đạ Tẻh	Cát Tiên	Lạc Dương	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
	VONTA-FD-EI60 - Cửa thép chống cháy 60p kích thước 800x1200mm (Chưa bao gồm phụ kiện)	cửa														5.000.000	
	VONTA-FD-EI90 - Cửa thép chống cháy 90p kích thước 800x1200mm (Chưa bao gồm phụ kiện)	cửa														6.000.000	
	VONTA-FD-EI120 - Cửa thép chống cháy 120p kích thước 800x1200mm (Chưa bao gồm phụ kiện)	cửa														8.000.000	